

Bản án số 71/2018/HSST
Ngày 27 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Thiện Thành
Các hội thẩm nhân dân:

Ông **Đinh Duy Quyết**
Ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Bà **Vũ Như Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2018/HSST ngày 09/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn Đ (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1999; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn B, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân N (đã chết) và bà Trần Thị G; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Quyết định số 17/QĐXP ngày 10/01/2016, Đồn Công an S, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 250.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" đã chấp hành nộp phạt ngày 19/01/2016;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 21/9/2018, chuyển tạm giam ngày 22/9/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Trần Văn T (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1995; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn B, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Trần Thị Đ; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Quyết định số 10/QĐXP ngày 28/12/2015, Đồn Công an S, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" đã chấp hành nộp phạt ngày 19/01/2016;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 21/9/2018, chuyển tạm giam ngày 22/9/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Trần Văn T1 (*Tên gọi khác không*), sinh năm 1996; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn B, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Trần Thị T; vợ Nguyễn Thị Q và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Quyết định số 199/QĐ-XPVPHC ngày 14/08/2014, Công an huyện V, tỉnh N xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" đã chấp hành nộp phạt ngày 15/8/2014;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 21/9/2018, chuyển tạm giam ngày 22/9/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981; trú tại thôn H, xã G, huyện Q, tỉnh N; Vắng mặt tại phiên toà.

***Người làm chứng:**

Anh **Trần Ngọc C**, sinh năm 1993; Vắng mặt tại phiên toà.

Anh **Đỗ Thanh T2**, sinh năm 1984; Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn T, Đinh Văn Đ và Trần Văn T1 đều là người sử dụng ma túy và có quen biết nhau. Khoảng 20 giờ ngày 20/9/2018, T và Đ đi bộ đến nhà T1 tại thôn B, xã G, huyện V chơi uống nước nói chuyện. Khoảng 15 phút sau, Đ rủ T và T1 góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng; T và T1 cùng đồng ý. T1 lấy từ túi quần phía trước bên phải ra số tiền 200.000 đồng đưa cho T. T lấy 600.000 đồng từ túi quần phía trước bên trái, rồi đưa tổng số tiền 800.000 đồng cho Đ và nói: "*Chúng mày đi mua đồ thì lấy giúp tao một túi*". Sau đó, T đi nhờ xe của một người không quen biết sang khu vực bến xe chùa B, xã S, huyện V. Còn T1 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 35N8-**** chở Đ đến đầu cầu N, thuộc địa phận xã Y, huyện Ý, tỉnh Đ với mục đích tìm mua ma túy. Tại đây, Đ hỏi và mua của một người đàn ông không quen biết đang đứng ven đường bên trái hướng N –Đ 02 túi nilon màu trắng, đều có kích thước (2x3)cm, trên miệng túi có viền chỉ màu xanh, bên trong hai túi nilon đều chứa các hạt tinh thể màu trắng, với giá 800.000 đồng. Đ không mở ra kiểm tra nhưng xác định đó là ma túy nên cầm ở tay trái rồi T1 điều khiển xe mô tô chở Đ quay về huyện V. Đ gọi điện thoại cho T hẹn gặp nhau tại bến xe chùa B, xã S, huyện V. Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 35N8-**** chở Đ đến gần cổng bến xe chùa B, xã S, huyện V, thì gặp T đang đứng ven đường. Gặp T, Đ mở lòng bàn tay trái đang cầm 02 túi nilon ma túy vừa mua được cho T xem. T dùng tay phải cầm 01 túi nilon ma túy. Đ cầm túi nilon ma túy còn lại rồi lên xe mô tô do T1 điều khiển rồi đi đến khu vực trường cấp 3 V C, thuộc địa phận xã S, huyện V thì dừng lại. Đ cầm

lái điều khiển xe mô tô chở T1 đến nhà Trần Ngọc G, sinh năm 1996, trú tại xóm 3 N, xã G, huyện V và cùng G sử dụng hết ma túy đá.

Đối với Trần Văn T, sau khi lấy 01 gói nilon ma túy đá từ Đ, T cất túi nilon ma túy đá ở túi quần bên phải phía trước đang mặc, rồi đi bộ vào nhà nghỉ C, thuộc xóm 5, xã S nhằm mục đích thuê phòng nghỉ sử dụng ma túy. Hồi 23 giờ ngày 20/9/2018, khi T đang đứng trong sân nhà nghỉ C thì gặp tổ công tác Công an huyện V và Công an xã S đang làm nhiệm vụ tại đây yêu cầu kiểm tra. T đã tự nguyện dùng tay phải lấy từ túi quần bên phải phía trước 01 túi nilon màu trắng, viên túi có chỉ màu xanh, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, giao nộp cho Lực lượng Công an và khai nhận đó là ma túy mà Đ, T1 và T vừa mua, cất dấu để sử dụng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản 01 túi nilon thu giữ của Trần Văn T. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng và số tiền 12.700.000 đồng.

Ngày 21/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đinh Văn Đ và Trần Văn T1. Thu giữ của Đinh Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, lắp số thuê bao 0888.*****. Thu giữ của Trần Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 vỏ màu hồng, lắp số thuê bao 0968***** và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave @ màu nâu, Biểm kiểm soát 35N8-*****.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành niêm phong 01 gói nhỏ gói ngoài bằng nilon, trên miệng túi có viên chỉ màu xanh, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng, ký hiệu M thu giữ của Trần Văn T để gửi đi xác định trọng lượng và giám định chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 185/KLGD-PC09-MT ngày 22/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,4001 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy, thuộc bảng danh mục II, số thứ tự 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm:

- *Chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,3113 gam là ma túy, loại Methamphetamine.*

- *Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu.*

(Tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 185/2018/GĐMT theo đúng quy định pháp luật)

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS-GV ngày 09/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố ***Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội ***“Tàng trữ trái phép chất ma túy”***, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản Cáo trạng truy tố các bị

cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị L trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 19/9/2018, chị có cho bị cáo Trần Văn T1 mượn xe mô tô BKS 35N8****, chị không biết việc bị cáo T1 mượn xe của chị để sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy, sau khi vụ án xảy ra chị mới biết. Hiện nay, chị đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe mô tô BKS 35N8-***** và chị không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2018. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 13 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2018. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 13 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2018.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 185/2018/GĐMT, bên trong đựng: 0,3113 gam Methamphetamine ký hiệu M (đối tượng sau giám định); toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu. 01 phong bì niêm phong theo quy định, bên trong gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (2x3)cm, trên miệng túi có đường viền chỉ màu xanh, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, lắp số thuê bao 0888*****, thu giữ của Đinh Văn Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng, lắp số thuê bao 0888*****, thu giữ của Trần Văn T, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội;

Trả lại bị cáo Trần Văn T số tiền 12.700.000 đồng; bị cáo Trần Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 vỏ màu hồng, lắp số thuê bao 0968****, là tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 20/9/2018, Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1 đã có hành vi cất giấu trái phép 0,4001 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm :

...

c) Hêrôin, côcaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3]. Hành vi của bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1 đã nêu trên là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo các bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân

thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Đối với Đinh Văn Đ là người biết chỗ bán ma túy nên Đ đã chủ động rủ Trần Văn T và Trần Văn T1 góp tiền đi mua ma túy để cả ba cùng sử dụng. Bản thân Đ còn là người trực tiếp thực hiện hành vi cùng T1 đi mua ma túy. Do vậy, Đinh Văn Đ giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

[6]. Đối với bị cáo Trần Văn T và Trần Văn T1 là người được Đinh Văn Đ rủ đi mua ma túy về sử dụng, nhưng các bị cáo không can ngăn mà còn góp tiền đưa để Đ đi mua ma túy, T còn là người trực tiếp cất giữ ma túy khi Đ đã mua được. T và T1 là người tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Đ. Vì vậy, T và T1 là đồng phạm, lần lượt xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện và tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[9]. Về nhân thân: Bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1 từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính trên một năm, nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[10]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân các bị cáo là người sử dụng ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, không mang tính vụ lợi, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của Trần Văn T ký hiệu M có tổng khối lượng là 0,4001 gam Methamphetamine. Sau khi lấy mẫu giám định, khối lượng Methamphetamine còn lại 0,3113 gam trong túi ký hiệu M. Tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 185/2018/GĐMT; toàn bộ vỏ bao

gói trong phong bì niêm phong ban đầu. 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (2x3)cm, trên miệng túi có đường viền chỉ màu xanh, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, lắp số thuê bao 0888****, thu giữ của Đinh Văn Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng, lắp số thuê bao 088****, thu giữ của Trần Văn T, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 vỏ màu hồng, lắp số thuê bao 0968.*** thu giữ của Trần Văn T1; số tiền 12.700.000 đồng, thu giữ của Trần Văn T, là tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo Trần Văn T1 và Trần Văn T, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave @ màu nâu, Biểm kiểm soát 35N8*** thu giữ của Trần Văn T1 được bị cáo T1 sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Nguyễn Thị L. Do vậy, không đặt vấn đề giải quyết.

[13]. Đối với Trần Ngọc G, sinh năm 1996, trú tại xóm 3 N, xã G, huyện V là người đã dùng địa điểm nhà mình để cùng sử dụng ma túy với Đinh Văn Đ và Trần Văn T1 ngày 20/9/2018. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập nhưng đến nay G không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tách phần tài liệu liên quan đến Trần Ngọc G để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.

[14]. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Đinh Văn Đ và Trần Văn T1 ngày 20/9/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng không xác định được, do đó không có căn cứ để xử lý.

[15] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1** phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn Đ** 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21/9/2018.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T1** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21/9/2018.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21/9/2018.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 185/2018/GĐMT, bên trong đựng: 0,3113 gam Methamphetamine ký hiệu M (đối tượng sau giám định); toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu. 01 phong bì niêm phong theo quy định, bên trong gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (2x3)cm, trên miệng túi có đường viền chỉ màu xanh, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, lắp số thuê bao 0888***, thu giữ của Đinh Văn Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng, lắp số thuê bao 0888****, thu giữ của Trần Văn T, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội;

+ Trả lại bị cáo Trần Văn T số tiền 12.700.000 đồng; bị cáo Trần Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 vỏ màu hồng, lắp số thuê bao 0968***, là tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền trả lại cho bị cáo gửi tại tài sản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước và trả lại cho bị cáo theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/11/2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Trần Văn T1 mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện V;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện V;
 - Bị cáo; Ng-ời có QLNVLQ;
 - L- u hồ sơ, văn phòng;
- (Thông báo cho chính quyền
địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

Hà Thiện Thành